M. ROBERT

LÊ TÙNG HIẾU - NGUYỄN VĂN PHÚC
BIÊN DỊCH)

ĐC
915.977 5
Đ 301 CH

ĐỊA CHÍ
TỈNH BIÊN HÒA

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

M. ROBERT

Lê Tùng Hiếu, Nguyễn Văn Phúc

(Biên dịch)

ĐỊA CHÍ TỈNH BIÊN HÒA

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

LỜI DẪN

Định hướng hoạt động của Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai hướng đến kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2015 và kỷ niệm Biên Hòa – Đồng Nai 320 năm vào năm 2018; Tỉnh ủy Đồng Nai có chủ trương: Cùng với các công trình hạ tầng được xây dựng, cần nghiên cứu, biên soạn, xuất bản các công trình văn hóa lịch sử đáp ứng yêu cầu của sự phát triển bền vững; trong đó, bổ sung, hoàn thiện "Địa chí Đồng Nai" là một trong năm công trình trọng tâm. Theo chủ trương này, địa chí Đồng Nai được hiểu không chỉ là bộ *Địa chí Đồng Nai, 5 tập, NXB Đồng Nai, 2001* đang lưu truyền chính thống, mà là *hệ thống địa chí liên quan đến Biên Hòa – Đồng Nai xưa và nay*. Thực hiện chủ trương này, người tham gia biên soạn, bổ sung, hoàn thiện *Địa chí Đồng Nai* đang chú trọng việc tra cứu, biên khảo, công bố hệ thống tư liệu cổ kim thực chứng cho sự hình thành, phát triển của xứ Biên Hòa – Đồng Nai. Bạn đọc gần xa cũng đang mong như vậy. Cho nên, tập sách *Địa chí tỉnh Biên Hòa* do Lê Tùng Hiếu và Nguyễn Văn Phúc biên dịch từ nguyên bản "Monographie de la province de Bien Hoa" của M. Robert được xuất bản thực là đúng chủ trương chung, đáp ứng thiết thực yêu cầu của thực tế.

Trong quá trình thực hiện, *Địa chí Đồng Nai* đã bao quát hơn 200 mục sách, báo, tạp chí, hình thành hệ thống thư mục qua "Hào khí Đồng Nai", 2 tập, nhiều tác giả do Thư viện Đồng Nai chủ biên, hoàn thành năm 1991. Trong đó, các bộ địa chí "tiền hiền" được khảo cứu cẩn trọng: ***Gia Định Thành Thông chí,*** Trịnh Hoài Đức, có nhiều bản dịch, bản dịch mới nhất của Lý Việt Dũng, Huỳnh Văn Tới hiệu đính được NXB Đồng Nai ấn hành năm 2004; Bộ ***Đại Nam nhất thống chí,*** *Sử quán triều Nguyễn*, 5 tập, bản dịch của Phạm Trọng Điềm, Đào Duy Anh hiệu đính, tái bản, NXB Thuận Hoá, 1992; ***Biên Hoà sử lược,*** 3 tập, Lương Văn Lựu tác giả tự xuất bản những năm 70 thế kỷ XX. Nhiều tài liệu địa chí của người Pháp viết bằng tiếng Pháp có được tham khảo như ***Plan topographique de la provine Bien Hoa*** của Boiloux, échelle 1:100.000, 1881, Paris; ***Monographie de la provine de Bien Hoa,*** 1901, bản dịch của Nguyễn Yên Tri, tài liệu đánh máy; ***Nations géographiques de Bien Hoa*** của Goupillon, 1930. Tuy nhiên, do điều kiện hạn chế đương thời, các tài liệu tiếng Pháp của người Pháp chưa được bao quát hết, hoặc chỉ tham khảo qua bản dịch viết tay.

Lần này, "Monographie de la province de Bien Hoa" của M. Robert được biên dịch sang tiếng Việt có ý nghĩa quan trọng, vừa góp phần bổ khuyết cho thư mục tham khảo *Địa chí Đồng Nai*, vừa đem lại tri thức cụ thể cho người đọc

về lịch sử cụ thể hình thành phát triển của tỉnh Biên Hòa thế kỷ XX. Với tinh thần trách nhiệm công dân và sự thận trọng cần thiết của phiên dịch không chuyên, Lê Tùng Hiếu và Nguyễn Văn Phúc đã kỳ công trong việc khảo cứu, biên dịch, chú giải để chuyển tải chân thực tinh thần của nguyên bản đến với độc giả người Việt. Có thể còn nhiều thiếu sót ngoài mong muốn, nhưng cái quí của bản dịch thể hiện ở tính trung thực, khoa học, chuẩn mực, tạo cho người đọc cảm giác tin cậy, đẹp lòng.

Tiếp nhận tập sách này, người đọc còn có thể nhận biết được nhận thức, cách hiểu của người Pháp đối với Việt Nam và phương pháp hình thành địa chí. Đặc biệt, là tính mục đích của địa chí. Địa chí ngắn gọn, xúc tích là để quảng bá, lưu hành đến các bậc sơ học. Thực tế, theo lời của nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng, "Monographie de la province de Bien Hoa" đã lưu hành, tham khảo đến bậc sơ học gieo ấn tượng đến học sinh sơ học khiến ông nhớ đến cuối đời. Điều này, nhắc nhở đến việc quảng bá, tạo sức sống trong công chúng của ấn phẩm sau xuất bản.

Đọc "Địa chí tỉnh Biên Hòa", cần tỉnh táo nhận ra đây là tài liệu quí, nhưng quí ở mục đích tham khảo. Cũng cần nhận biết, "Tất nhiên, người Pháp không nồng nhiệt lắm giới thiệu lịch sử nhân văn của tỉnh Biên Hoà, nhưng phần hình

thể tự nhiên và phân chia địa lý hành chính vẫn có một tác dụng nhắc nhở" (Trần Bạch Đằng, *Địa chí Đồng Nai tập I*, NXB Đồng Nai, 2001, trang 502).

TS. Huỳnh Văn Tới.

LỜI GIỚI THIỆU

Địa chí (Monographie), theo từ điển giản yếu của Đào Duy Anh[1] là sách biên chép dân phong, sản vật, địa thế các địa phương. Nói khác hơn, địa chí là loại sách ghi chép tình hình địa lý, lịch sử, phong tục, tôn giáo, giáo dục, nhân vật, thổ sản[2]...

Như vậy địa chí là loại sách có tính khu vực, tính liên tục, tổng hợp và tư liệu (thuật lại mà không sáng tác). Đây là loại sách mang tính công cụ, đúc kết tri thức, mang tính khoa học giúp cho mọi người (trong đó có lãnh đạo địa phương) hiểu về một vùng đất cụ thể; góp phần phục vụ cho yêu cầu quản lý, khai thác phục vụ kinh tế, sản xuất và là tài liệu nghiên cứu giáo dục cho mai sau.

Theo đó *Địa chí tỉnh Biên Hòa* do M.Robert (Phó Tham biện sở Dân sự của Đông Dương) biên soạn năm 1924 chính là loại sách địa phương chí thể hiện được những nét cơ bản về địa lý hình thể, lịch sử, thổ nhưỡng, tài nguyên, dân

[1] Đào Duy Anh (2009), *Hán Việt tự điển giản yếu*, Nxb Văn hóa thông tin, trang 111.

[2] Đặng Văn Thắng, *Tìm hiểu về địa chí, Nam bộ đất và người*, Nxb Đại học quốc gia TP.HCM, 2013, tập IX, trang 39.

tộc, tôn giáo, phong tục, tình hình sản xuất... của tỉnh Biên Hòa những năm đầu thế kỷ XX.

Sau khi xâm chiếm Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX, Pháp đã triển khai việc khai thác tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam, trong đó có tỉnh Biên Hòa. Đặc biệt việc khai thác thuộc địa được đẩy mạnh sau khi chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc (1914-1918). Để phục vụ cho mục đích này, việc biên soạn địa chí là cần thiết để giúp cho các nhà quản lý Pháp (cả quản lý nhà nước và sản xuất) hiểu về những đặc điểm căn bản của địa phương về địa lý, lịch sử, phong tục, tập quán, tôn giáo, dân tộc, tài nguyên... để có thể đề ra các chính sách có lợi nhất trong việc cai trị và khai thác tài nguyên thiên nhiên, sức lao động ở thuộc địa.

Tỉnh Biên Hòa vào thời điểm những năm 20 của thế kỷ XX là một địa phương có diện tích rộng trên 11.000 km^2 bao gồm tỉnh Đồng Nai hiện nay, tỉnh Bình Phước, một phần của tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh. Để biên soạn quyển địa chí này, có lẽ tác giả M.Robert đã tham khảo nhiều tài liệu lưu trữ (bao gồm cả các báo cáo) của chính quyền thuộc địa; đồng thời ông cũng đi thực tế, điền dã khắp tỉnh, tiếp xúc nhiều giới nên mô tả tương đối chi tiết cụ thể về địa lý, hình thể tự nhiên, phong tục tập quán, sản xuất... của dân tộc địa phương với văn phong dễ hiểu và sinh động. Đặc biệt những số liệu về tài nguyên, tình hình sản xuất khai thác thuộc địa mà ông nêu ra là những tư liệu cần thiết giúp cho

những người nghiên cứu, quan tâm đến lịch sử, văn hóa, dân tộc... hiểu thêm về tình hình thực tế tỉnh Biên Hòa những năm đầu thế kỷ XX.

Tuy nhiên vì là người Pháp, khác biệt về ngôn ngữ, nên việc ghi chép của ông đặc biệt với những địa danh tiếng Việt có những sai sót. Đối chiếu với quyển *Địa danh hành chính, văn hóa, lịch sử* đã được Nhà xuất bản Đồng Nai in năm 2013, chúng tôi đã cố gắng hiệu đính, đồng thời có chú thích thêm để người đọc hiểu được không gian, địa lý hiện nay với những tên đất được nêu trong quyển sách. Để phù hợp với quan điểm hiện nay về dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước, chúng tôi có chú thích hoặc diễn giải thêm về dân tộc, kinh tế... cho phù hợp.

Nhìn một cách tổng quát, quyển *Địa chí tỉnh Biên Hòa* tiếng Pháp của M.Robert biên soạn được xuất bản năm 1924 và bản dịch của hai ông Lê Tùng Hiếu và Nguyễn Văn Phúc với nhiều hình ảnh tư liệu xưa minh họa, đã giúp cho người đọc ngày nay hiểu thêm về những đặc điểm của tỉnh Biên Hòa xưa, cung cấp nhiều tư liệu quý phục vụ yêu cầu nghiên cứu, tìm hiểu về vùng đất Biên Hòa xưa, Đồng Nai ngày nay.

Xin giới thiệu quyển *Địa chí tỉnh Biên Hòa* với đông đảo người đọc trong và ngoài tỉnh.

Ths. Trần Quang Toại.

Tổng thư ký Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Đồng Nai.

LỜI NÓI ĐẦU

Có người bạn tặng cho tôi quyển sách của Lương Văn Lựu là *Biên Hòa sử lược toàn biên*, thật bất ngờ và thích thú khi đọc cuốn sách này! Có rất nhiều nghi vấn trong cuốn sách và đi tìm câu trả lời thật là khó. Vì vậy, chúng tôi thường tổ chức những chuyến du khảo đi đến nhiều địa danh đã nêu trong sách, phát hiện ra nhiều điều thú vị, thu thập thông tin từ lời kể của những người dân lớn tuổi ở địa phương, trao đổi đàm thoại... vẫn không thỏa mãn sự tò mò. Việc đi tìm những tư liệu xưa về Biên Hòa không có nhiều, và tình cờ khi chúng tôi tìm những hình ảnh xưa về Biên Hòa thì phát hiện cuốn sách "**Monographie de la province de Bien Hoa**" của **M. Robert**, Nhà in trung tâm Sài Gòn Louis Minh, năm 1924.

Nhiều điều hay, mới lạ trong cuốn sách này đề cập về tỉnh Biên Hòa xưa dưới thời thực dân Pháp cai trị. Rồi phải thuyết phục và nhờ thầy Lê Tùng Hiếu dịch thuật sang tiếng Việt trong thời gian hơn ba tháng.

Do những hình ảnh trong cuốn sách này không rõ nét, chúng tôi đi tìm nguồn tư liệu hình ảnh từ những trang sách báo, web, thư viện trong và ngoài nước. Thật bất ngờ tìm

thấy thêm hơn một trăm tấm hình về Biên Hòa xưa rất đẹp, có giá trị về lịch sử, nghệ thuật, văn hóa...

Nguồn tư liệu về hình ảnh chúng tôi sử dụng các trang web sau:

1. www.decampe.net
2. http://gallica.bnf.fr
3. http://belleindochine.free.fr
4. aejjrsite.free.fr/.../gm64_EcoleBeauxArtsBienHoa.pdf

Cuốn sách này được viết vào năm 1924 là lúc thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa trong cả nước nói chung và tỉnh Biên Hòa nói riêng. Tác giả **M. Robert** là Phó Tham biện Sở Dân sự của Đông Dương, sử dụng nhiều nguồn số liệu thống kê tương đối đầy đủ, chi tiết hoạt động của tỉnh Biên Hòa lúc bấy giờ.

Cuốn sách khái quát toàn bộ về địa giới, núi non, sông ngòi, khí hậu, dân số và cả quá trình lịch sử của vùng đất này. Ngoài ra, còn nói rõ về quản lý hành chánh của tỉnh, đường sá, đặc biệt là nghiên cứu khái quát phát triển kinh tế của tỉnh bao gồm: triển vọng và khai thác nông nghiệp trong tương lai, đồn điền cao su, chăn nuôi, lâm nghiệp, phát triển kỹ nghệ, thương mại và du lịch của tỉnh... Đọc xong cuốn sách chúng ta sẽ thấy rõ một bức tranh toàn cảnh của tỉnh Biên Hòa xưa vào năm 1924.

Để dịch thuật và biên soạn sát nghĩa từ ngữ địa phương, chúng tôi sử dụng tài liệu tham khảo sau để tra cứu:

Địa chí Đồng Nai, gồm 5 tập, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Đồng Nai (nhiều tác giả), Nhà xuất bản Đồng Nai, 2001.

Nghiên cứu địa bạ Triều Nguyễn Biên Hòa (Sông Bé, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu), Nguyễn Đình Đầu, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1994.

Biên Hòa sử lược toàn biên, quyển 1, 2, Lương Văn Lựu, (1972, 1973).

Trong quá trình dịch thuật và biên soạn lại, chúng tôi không thể tránh khỏi sai sót, rất mong sự đóng góp ý kiến của quý độc giả giúp chúng tôi hiệu đính lại những thiếu sót. Rất mong sự đón đọc và ủng hộ của quý độc giả.

Kỹ sư Lê Tùng Hiếu.

Bác sĩ chuyên khoa II Nguyễn Văn Phúc.

CHƯƠNG I
TỔNG QUAN TỈNH BIÊN HÒA

I. TÌNH HÌNH, RANH GIỚI VÀ DIỆN TÍCH

Tỉnh Biên Hòa thuộc nhóm bốn tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa), nhóm này có sự khác biệt rõ ràng với phần còn lại của thuộc địa do địa lý hình thể và nền sản xuất.

Tỉnh nằm giữa vương quốc Cam-bốt ở phía Bắc, các tỉnh Thủ Dầu Một và Gia Định ở phía Tây, tỉnh Bà Rịa ở phía Nam và vương quốc Trung Kỳ ở phía Đông.

Ranh giới của tỉnh chỉ được ấn định một cách chính xác ở phía Tây và phía Nam, có lẽ hoặc dựa vào dòng chảy của nước sông, như sông Đồng Nai, vốn ngăn tỉnh Biên Hòa với tỉnh Gia Định, và sông Bé thì ngăn tỉnh Biên Hòa với tỉnh Thủ Dầu Một[1] hoặc là việc thành lập những khu rừng dự trữ đã kéo theo một sự vạch ranh giới nào đó, như trường hợp đối với ranh giới ở tỉnh Bà Rịa.

[1] Tuy nhiên trừ trường hợp của ba tổng (Chánh Mỹ Hạ, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Thượng) nằm bên hữu ngạn của con sông này, ba tổng này vốn là đối tượng tranh chấp của tỉnh láng giềng đang đòi ranh giới của sông Bé trên khắp chiều dài dòng sông.

Ở phía Bắc và phía Đông, ranh giới của Cam-bốt và Trung Kỳ là được kẻ sơ sài nhất. Tình hình này, dĩ nhiên, là nguồn tranh chấp lãnh thổ có tương lai rực rỡ, đặc biệt giữa Nam Kỳ và Trung Kỳ về lưu vực sông La Ngà (hoặc Đa La Ngà)[1].

Diện tích[2] 1.120.000 hecta (tức là 11.200 km^2), được phân định cho tỉnh Biên Hòa, chỉ có tính chất rất phỏng chừng[3].

Dù sao đi nữa thì tỉnh này cũng là một trong những tỉnh có diện tích rộng lớn nhất của Nam Kỳ, cùng với Rạch Giá và Bạc Liêu, và giống như hai tỉnh này, là một trong những tỉnh mà công cuộc khai thác thuộc địa với tầm cỡ lớn sẽ còn được tiến hành trong thời gian dài nữa.

Một ví dụ sẽ cho thấy diện tích của những vùng đất được mở cửa này cho công cuộc định dân và khai thác thuộc địa. Mười tổng Trung Kỳ, nơi tập trung dân số và sự giàu có

---

[1] Ranh giới phía Bắc với tỉnh Thủ Dầu Một có thể được ấn định tự nhiên bởi dòng chảy của sông Bé kéo dài đến gần sát biên giới Cam-bốt. Về phía Đông, ranh giới này theo một trong những đường quy ước khó xác định nhất đến đỉnh chỗ vòng phía Bắc của sông Đồng Nai trung (vùng Cánh Đồng).

[2] Tỉnh Biên Hoà bấy giờ bao gồm tỉnh Bình Phước, một phần tỉnh Bình Dương, quận Thủ Đức của TP. HCM.

[3] Sau đây là vài con số, theo ranh giới vẽ trên những khiếm khuyết gần đây nhất: từ Bắc đến Nam, ranh giới này, ở chỗ dài nhất, đạt đến 200 km. Chiều rộng trung bình, từ Tây sang Đông, dao động trong khoảng từ 95 đến 110 km.

hiện nay của tỉnh, chỉ vừa mới chiếm có 1/5 tổng diện tích. Phần còn lại của lãnh thổ mênh mông này hợp thành miền đất gọi tên là "xứ mọi".

II. HÌNH THỂ TỔNG QUÁT CỦA XỨ SỞ

Người ta có thể chia tỉnh thành ba vùng tự nhiên: hai vùng đầu tiên ở phía Nam, vùng thứ ba ở phía Bắc của sông Đồng Nai.

Ở phía Tây Nam, vùng đồng bằng, vốn là phần giàu có nhất và đông dân nhất của toàn tỉnh và bị chiếm giữ bởi, như chúng ta vừa thấy, những tổng Trung Kỳ[1] (Chánh Mỹ Hạ, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Thượng, Phước Vĩnh Hạ, Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Thượng, Long Vĩnh Thượng, Thành Tuy Hạ) ven bờ sông Đồng Nai và bị cắt ngang bởi vô số nhánh của con sông này nữa.

Trước tiên đó là, đi từ phía sông, cảnh tượng bình thường của vùng đồng bằng Nam Kỳ; nhiều cây cầu bắc qua hàng ngàn con lạch, rạch và suối nơi mà thuyền tam bản và thậm chí cả ghe lưu thông khi nước thủy triều lên; các con đường hun hút, thẳng tắp, dọc hai bên có cây sao, màu trắng toát hoặc đỏ thắm dưới ánh nắng mặt trời chói chang; các khu đầm lầy với màu nước xanh lục được che phủ bởi những cây dừa nước thấp và lượn sóng, rung rinh thành từng tầng

[1] Nay bao gồm các xã thuộc huyện Long Thành, Nhơn Trạch, thành phố Biên Hoà, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

dày, tương tự như những nhánh của cây dừa con, tách rời khỏi thân cây và mọc thành từng khóm trong bùn lầy và phù sa của nước sông màu vàng; dây đó có vài bụi cây, nhưng nhất là những ô ruộng, khô cằn và trơ trụi trong mùa khô, xanh tươi mơn mởn trong mùa mưa và được che chắn bởi hàng cây dừa và cây cau dày đặc; những khóm tre, những am miếu, những ngôi nhà tầm thường với màu sắc sặc sỡ, những mái nhà tranh ẩn mình dưới vòm cây xanh, những bụi chuối phá vỡ sự đơn điệu của những khu vực đồng bằng này.

Ở phía Đông của vùng thứ nhất này (tổng Thành Tuy Thượng, vùng miền đông của Phước Vĩnh Thượng và Phước Vĩnh Hạ), mặt đất nhô lên và mấp mô với nhiều đồi núi, quả thật không cao lắm, như đồi của vùng Lò Gạch (40 mét) trong đó có một đồi mà ở đỉnh có chùa Bửu Phong (Ngọn núi quý giá) được xây dựng dưới thời vua Gia Long. Ngôi chùa này được bao bọc chung quanh bởi những khối đá granit rất lớn, xưa kia rất được người dân bản xứ tôn sùng. Hai tảng đá đẹp nhất được gọi là Long Đầu Thạch và Hổ Đầu Thạch.

Ở phía Nam (tổng Chánh Mỹ Trung), các ngọn núi Châu Thới, gồm có hai gò trong đó gò cao nhất được biết đến dưới tên gọi là "Núi Blanchy" (cao 60 mét). Càng về phía Bắc, gần với chỗ vòng của sông Đồng Nai, các gò thấp tiếp nối nhau như Núi Gò Mọi, Núi Tân Định, Núi Nứa (120 mét) và cao hơn, dọc bờ sông Đồng Nai có đồi Keang Kien.

Quanh những nếp uốn đầu tiên này bằng đá granit, cát kết và đá phiến, có khu rừng thưa nữa, có vẻ là rừng cây bụi rậm hơn là rừng và, thêm vào dó, lại dần biến mất để nhường chỗ lại cho cây trồng tùy theo chỗ nào mà lớp bì thực vật cho phép. Từ đa số những gò đá granit này, người ta khai thác một loại đá rất được ưa thích ở Nam Kỳ mà ở miền Trung và miền Tây hoàn toàn không có[1].

Ở vùng đồng bằng, mặt đất được che phủ bởi một lớp cát dày đặc do sự xói mòn của những ngọn đồi gần đó từ mấy thế kỷ nay nên thường là cằn cỗi. Đó là một phong cảnh bằng phẳng đến đơn điệu của trảng bụi toàn những cây cối ốm yếu. Những cây nhỡ có gai xen lẫn với những cây cằn cọc đơn chiếc tạo thành cụm rải rác với đây đó những khu rừng trống rộng lớn có bùn lầy và đầy dẫy "những ổ trâu". Tiếp theo, ở phía bên kia của vùng chuyển tiếp đó, trong những tổng của người Thượng thuộc vùng núi Chứa Chan và trên vùng đất tốt hơn là khởi đầu của một khu rừng, nguồn giàu có chính của tỉnh nhờ phạm vi rộng lớn và những loài cây tuyệt vời có trong đó. Cũng chính nơi đó mà vùng đấy có tương lai xán lạn, gọi là đất đỏ, đã được phát hiện và các cuộc khai hoang rất lớn đã cho ra đời những đồn điền cây

[1] Tuy nhiên cũng nên nhắc đến vài công trường đá của các tỉnh Châu Đốc và Long Xuyên (Núi Sập).

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

cao su, diện tích ngày càng mở rộng và quan trọng hơn theo năm tháng trôi qua.

Tiếp theo rừng và rừng rậm mà không có chuyển tiếp gì cả, dọc bên đường lộ hoặc đường sắt, sau hàng rào tre hoặc dây kẽm gai, là những đồn điền cây cao su trên nhiều cây số với hàng cây cao su có thân thẳng tắp, cành nhánh vừa phải, tất cả đều cùng một kích thước và nhô lên thành từng đường đều đặn từ mặt đất đã được làm cỏ và xới một cách chặt chẽ. Đây đó có những túp lều của người phu tụ tập chung quanh nhà sàn của người cai. Những khu rừng xanh um và chằng chịt kề bên những đồn điền cây cao su được trồng ngay ngắn, theo hình học, nhờ sự khai hoang gia tăng theo cấp số nhân mỗi năm, đã tạo cho vùng đó một tính chất rất đặc biệt và không khỏi làm cho lữ khách bị bất ngờ...

Miền này có vẻ lạ lùng, đôi khi hùng vĩ; khác xa phong cảnh đơn điệu và bằng phẳng của miền Tây Nam Kỳ. Đồi và thung lũng nối tiếp nhau không ngừng. Quả thật, ở đó chính là nơi mà những nhánh cuối cùng của dãy Trường Sơn dừng lại. Vài ngọn núi rải rác, lính canh tiền tiêu của cả khối núi, nổi rõ ở cuối đường chân trời, như núi Chứa Chan (837 mét) được che phủ bởi một lớp thực bì rậm rạp và đẹp một cách cân đối, và càng về phía Bắc, hướng về sông Đồng Nai, là Sơn Lưu hoặc Núi Dốc (500 mét). Ở phía Nam, núi Chêm, núi Cồn Ráng, núi Đầu Rìu, núi Cam Tiêm ít quan trọng hơn. Sau cùng, giáp ranh với tỉnh Bà Rịa, viền quanh thung lũng

sông Đà Bàn là những ngọn cao hơn như núi Sập (400 mét) và núi Thánh Mẫu (550 mét) (hoặc núi Bà Kè).

Tất cả những ngọn đồi song song và dược rừng phủ đó hiện ra ở phía trên của vùng đồng bằng; những khe suối có nhiều cát và khô cạn, đột nhiên phồng lên thành những dòng thác có sức tàn phá, cắt ngang lớp thực vật dày đặc trong đó có cây cọ khổng lồ mà quần cư vả lại ít quan trọng hơn loại của tỉnh Trung Kỳ, kế bên là Bình Thuận, những cây này tập hợp lại thành những cụm rất lớn cao từ 4,5 mét đến 6 mét, xen lẫn với những cây mía lớn và với những dây leo chằng chịt. Tầng dưới rừng chằng chịt của khu rừng non, tiếp theo đó, hướng về phía Trung Kỳ, là rừng cây cổ thụ, uy nghi, lộng lẫy, toàn là bằng lăng, cẩm lai, sao, trắc, vấp và các loài cây quý khác, xen kẻ với bụi tre. Đây đó là những con đường mòn, đường rừng để phân chia ranh giới biến mất dưới những bộ lá rậm rạp và hiu quạnh, ở đây người ta chỉ có thể gặp thỉnh thoảng nhà sàn của gia đình người Thượng, một nơi ở chủ yếu là sơ sài và tạm bợ.

Thật vậy, người ta không còn thấy, giống như ở phía Tây của tỉnh, nhiều ngôi làng hoặc thôn xóm với nhà cửa xúm xít dọc bên đường hoặc con sông nữa. Người ta cảm thấy sự xâm nhập hãy còn quá mới mẻ trong những tổng của người Thượng. Tuy nhiên, cuộc sống dần dần tập trung quanh các dồn điền, các công trường lâm nghiệp, các trạm đường sắt hoặc sở cảnh sát. Đó là nơi định cư của dân buôn

bán hoặc phu gốc Trung Kỳ mà số lượng gia tăng mỗi năm đã góp phần lớn vào việc khai khẩn xứ sở. Chợ búa được thành lập, một cái nôi giao thương được thiết lập, và dần dần người Thượng từ bỏ cuộc sống du cư và khốn khổ của họ để bắt chước người láng giềng là người Kinh vốn văn minh hơn. Đây là vùng đất chuyển nhượng lâm nghiệp, (như của công ty "Lâm nghiệp và Công nghiệp Biên Hòa", ở vùng Bến Nôm, Bình An, và ven tả ngạn của sông Đồng Nai và sông La Ngà), hoặc những khu dự trữ, được quy hoạch một cách kỹ lưỡng, bảo dưỡng và còn tăng thêm, những tài nguyên trong tương lai gần như chưa được khai thác (khu dự trữ Bàu Lương, Đại An, Hố Nai, Đông Thành, Cẩm Đường).

Ở dưới, phía Đông Nam, là thềm đất rộng lớn gọi là cao nguyên Cồn Minh mà con đường từ Xuân Lộc đến Bà Rịa băng qua. Lúc đó đường chân trời rộng mở. Rừng nhường chỗ cho thảo nguyên đầy cỏ, lộng gió, và cảnh hoang vắng trải dài hút mắt. Phong cảnh hiu quạnh nhưng lôi cuốn trong sự mộc mạc phảng phất nét u sầu, nhất là về đêm, với ánh sáng chói chang của hoàng hôn.

Sau cùng, để bổ sung bản mô tả tổng quát của khu vực thứ nhì này, chúng ta hãy nói đến vùng trũng mà lưu vực hạ nguồn sông La Ngà chiếm ở phía Đông Bắc, một vùng trũng rộng lớn đầy cỏ, hoàn toàn hoang vắng, nóng rực dưới ánh nắng mặt trời và ngập nước trong mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11. Những trảng cỏ này kéo dài ở phía Đông đến tận

Tánh Linh và đỉnh núi Tả Bàn (1.302 mét) điểm ranh giới hiện tại, dưới chân mỏm đá trước của dãy Trường Sơn.

Trảng cỏ này được giới hạn ở phía Bắc bởi vài ngọn núi dọc tả ngạn của sông Đồng Nai (núi Đăng Bó), ở phía Đông bởi mỏm đá của các ngọn núi ngăn cách sông La Ngà với Đạ Hu-oai, núi Tak-ra (500 mét), Pou-gao (310 mét), núi Ông (hữu ngạn) và núi Cà Tông (tả ngạn). Ở phía Nam, trảng cỏ này dừng ở suối Gia Huynh và ở con đường mòn nối Tánh Linh với Võ Đắc qua ngã Trà Cú. Diện tích của trảng cỏ là từ 30 đến 36.000 hecta và sông La Ngà băng qua đây từ Đông sang Tây trên suốt chiều rộng của trảng.

Đất được tạo thành từ phù sa bồi tích có pha đất sét, phủ đầy cây sậy cao lớn là nơi trú ngụ của voi và trâu rừng. Trên những phần đất nổi lên cao nhất thì cỏ tranh mọc um tùm. Những ao đầy bùn, ngập nước vào mùa lụt lội, chiếm miền trũng và những cụm cây xếp thành hàng thì cắt ngang trảng cỏ theo đủ hướng.

Với cấu trúc như vậy, tuy thế đất này lại màu mỡ và có thể được khai thác. Chúng tôi đã lưu ý rằng việc điều chỉnh ranh giới chế độ bảo hộ Trung Kỳ phải làm sao cho có lợi trong khu vực này mà không cần phải đưa ra thêm lý lẽ đầy đủ, như chúng ta sẽ thấy sau này.

Bây giờ chúng ta hãy vượt sông Đồng Nai về phía Bắc; và ở hữu ngạn của sông này, chúng ta tiến vào nội địa của

người Thượng[1] trong tỉnh. Ở đây người ta đứng trước một khu vực hoang dã và hãy còn rất ít người xâm nhập, với địa hình trắc trở và hơn nữa cũng không được ai biết đến, cùng với những dốc thoai thoải mọc toàn cỏ tranh trên những vùng rộng lớn. Những cánh rừng dày đặc trải ra giữa sông Đồng Nai và sông Bé ở chỗ sâu thẳm. Đỉnh cao nhất là, ở phía Tây Bắc, ngọn Yumbra (785 mét) mà người An Nam gọi là núi Bà Rá, người Cam-bốt gọi là Phnom Choeung Preai hoặc Yok Nam Preah và người S'tiêng thì gọi là Benam-Brah. Mũ khổng lồ của ngọn núi này với thực bì rậm rạp tách ra một cách rõ nét trên hàng rào thấp của các chỏm tròn của những ngọn núi kế bên và chính nền của nó làm dòng chảy của sông Bé chần chừ một lát trong lúc tiến về phía Nam và về phía sông Đồng Nai.

Ở cực Đông, ngay biên giới của Trung Kỳ, bờ dốc Nam Kỳ ngẩng lên đến dưới chân của những gò cuối cùng của dãy Trường Sơn ven bờ phải của sông Đồng Nai trung. Ở giữa khoảng cách là một bán bình nguyên rộng lớn, bắt đầu từ hữu ngạn của sông Đồng Nai trung, tạo thành bờ dốc cao của Nam Kỳ, với độ cao trung bình từ 2 đến 300 mét.

Toàn phần ở giữa và phía Bắc gần như là không được ai biết đến; những phái đoàn thám hiểm khác nhau đến từ vùng Bù Đốp và Cam-bốt, đều dừng lại, dù muốn hay không, ở

[1] Người Thượng: người ở vùng cao, tức dân tộc thiểu số.

khu vực núi Bà Rá và sông Bé trung (ở phía Tây Bắc) phái đoàn Barthélémy (1900), Patté (1904), Maître (1909)[1].

Vả lại, khu vực miền Đông dường như có rất ít người S'tiêng ở, dân tộc này được cho là có tính độc lập nên có khuynh hướng rút lui về rìa của lãnh thổ của họ khi chúng ta ngày càng thiết lập cơ sở.

Sau cùng, ở cực Bắc, giáp ranh giới của Cam-bốt, tiếp giáp với ba lưu vực (sông Bé, sông Cửu Long, sông Sài Gòn) là một chỗ trũng ngập nước vào mùa mưa, rừng mọc dày đặc và giao thông không dễ dàng gì. Chúng ta sẽ thấy trong phần chính trị của địa chí này là những nỗ lực đã được dưa ra để đến khu vực này nay mai.

III. Đường giao thông

1. Đường sá

Ngược lại với các tỉnh miền Tây với nhiều sông ngòi, sông lớn, sông nhỏ, rạch và kênh dồi dào đến nỗi phương tiện giao thông đường bộ chỉ có tầm quan trọng thứ yếu, tinh

[1] Phái đoàn Barthélémy, bị những người khiêng đồ đạc bỏ rơi, sau đó bị tấn công gần khu vực Bu Rel, ở phía Bắc của núi Bà Rá, đã bị đẩy lùi đến Kratie. Patté đặt căn cứ ở chân núi Bà Rá; hoạt động của ông chỉ quanh quẩn ở chân khối núi ấy. Tính mạo hiểm đã đưa ông đến tận sông Đồng Nai trung, nhưng ông phải quay trở về cũng vì không tìm ra được người khiêng đồ đạc và vì sự thù nghịch ngày càng rõ rệt của người S'tiêng. Còn Maître thì bị tử nạn cũng trong những khu vực ấy, gần phía Bắc hơn, bên kia sông Hoyt ở biên giới của Cam-bốt.

Biên Hòa thì thiếu tất cả giao thông bằng đường thủy, trừ ở vùng ranh giới phía Tây của sông Đồng Nai, nên đã phải lo lắng trước tiên về việc phát triển mạng lưới dường bộ của mình. Người ta đã phải lấn sân trên rừng, rừng rậm hoặc đầm lầy, để tạo ra những con đường cần thiết cho đời sống kinh tế và sự thâm nhập vào bản địa. Kết quả đạt được rất đáng khích lệ và mang lại vinh dự cho các ban kỹ thuật và những người đã kế tiếp nhau đứng đầu tỉnh. Gần 600 km đường sá đủ loại đi ngang đi dọc trong tỉnh từ Đông sang Tây và gần như từ Nam đến Bắc. Sau đây là bảng danh sách và xếp hạng với chiều dài của mỗi con đường.

Bảng kê đường sá trong tỉnh Biên Hòa:

TÊN GỌI CỦA ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI BẰNG KM			
	TỔNG CỘNG	ĐÃ ĐỔ ĐÁ	ĐÃ ĐỔ ĐẤT	DỰ ÁN
Đường quốc lộ số 1 – Từ cửa khẩu của Trung Hoa đến biên giới của Xiêm La qua ngã Hà Nội – Huế và Phnom Pênh...	108.645	108.645		
	Từ Vĩnh Phước đến cây số 108.645			
Đường quốc lộ số 15 – Từ Sài Gòn đến Vũng Tàu...	42.989	42.989		
Đường địa phương số 1 – Từ Biên Hòa đến Bù Đốp qua ngã Tân Uyên, An Bình và núi Bà Rá ...	(Có một đường mòn xe hơi chạy được trong mùa khô đến núi Bà Rá)			
	137.700	67.500	8.700	61.500
Đường địa phương số 2 – Từ Sài Gòn đến Bà Rịa qua ngã Xuân Lộc ...	22.970	22.970		
Đường địa phương số 3 – Từ Gia Ray đến Tà Lài	Đến ranh giới của tỉnh Bà Rịa			
	60.000 (phỏng chừng)	8.000	23.000	29.000

TÊN GỌI CỦA ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI BẰNG KM			
	TỔNG CỘNG	ĐÃ ĐỔ ĐÁ	ĐÃ ĐỔ ĐẤT	DỰ ÁN
Đường địa phương số 13 – Từ Chơn Thành đến Tà Lài ...	70.000 (phỏng chừng)			70.000
Tỉnh lộ số 1 – Từ Bàu Báng đến Phước Hòa...	6.500	6.500		
Tỉnh lộ số 8 – Từ Vàm Cỏ đến Trị An (bắc ngạn) qua ngã Củ Chi, Thủ Dầu Một và Tân Uyên...	33.540 (Từ ranh giới của tỉnh Thủ Dầu Một)	16.800	1.800	13.040
Tỉnh lộ số 11 – Từ Thủ Dầu Một đến Biên Hòa...	5.430 (Từ ranh giới của tỉnh Thủ Dầu Một)	5.430		
Tỉnh lộ số 12 – Từ Biên Hòa đến Võ Đắc qua ngã Trị An và Bến Nôm ...	81.000	44.000	3.000	34.000

TÊN GỌI CỦA ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI BẰNG KM			
	TỔNG CỘNG	ĐÃ ĐỔ ĐÁ	ĐÃ ĐỔ ĐẤT	DỰ ÁN
Tỉnh lộ số 13 – Từ Dầu Giây đến Bến Nôm qua ngã Gian Hân...	16.000	4.140		11.860
Tỉnh lộ số 17 – Từ Sài Gòn đến Dầu Giây qua ngã Long Thành ...	57.100 (Từ sông Đồng Nai)	33.650	4.000	19.450
Tỉnh lộ số 19 – Từ Phước Lý đến Phước Thiền...	32.300	32.300		
Tỉnh lộ số 34 – Từ Phước Tân đến Song Mây...	10.500	3.200		7.300
Đường xã số 1 – Từ Phước Long đến đường thuộc địa số 15...	4.600	4.600		
Đường xã số 2 – Từ Nhị Hòa đến đường thuộc địa số 15...	24.800	16.000	8.800	

TÊN GỌI CỦA ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI BẰNG KM			
	TỔNG CỘNG	ĐÃ ĐỔ ĐÁ	ĐÃ ĐỔ ĐẤT	DỰ ÁN
Đường xã số 3 – Từ Tân Vạn đến Chợ Đồn...	2.700	2.700		
Đường xã số 4 – Từ Tân An đến Tân Triều...	3.650	3.650		
Đường xã số 5 – Từ đường địa phương số 1 đến chợ Tân Ba...	0.280	0.280		
Đường xã số 6 – Từ Cây Đào đến Tân Tịch...	3.000	3.000		
Đường xã số 7 – Từ Bửu Long. Bến Cá, Bình Ninh...	9.800	9.800		
Đường xã số 8 – Từ Lò Gạch...	3.700	3.700		
Đường xã số 9 – từ Bình Ý đến Tân Triều Tây...	5.000	5.000		

TÊN GỌI CỦA ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI BẰNG KM			
	TỔNG CỘNG	ĐÃ ĐỔ ĐÁ	ĐÃ ĐỔ ĐẤT	DỰ ÁN
Đường xã số 10 – Từ Bến Gỗ đến Long Điền...	2.500	2.500		
Đường xã số 11 – Từ Phước Cang...	2.950	2.950		
Đường xã số 12 – Từ Bà Ký đến Tập Phước...	2.500	2.500		
Đường xã số 13 – Đại lộ của nhà ga Biên Hòa...	0.900	0.900		
Đường xã số 14 – Từ Nhị Hòa đến Bình Đa...	2.430	2.430		
Đường xã số 15 – Đường mòn của đò Long Sơn...	2.000	2.000		
Đường xã số 16 – Đường của tỉnh lỵ...	3.362	3.362		
Đường xã số 17 – Từ đường thuộc địa số 1 đến nhà ga của Hố Nai...	0.910	0.910		
Đường xã số 18 – Từ đường thuộc địa số 1 đến nhà ga Sông Mây...	1.270	1.270		

TÊN GỌI CỦA ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI BẰNG KM			
	TỔNG CỘNG	ĐÃ ĐỔ ĐÁ	ĐÃ ĐỔ ĐẤT	DỰ ÁN
Đường xã số 19 – Từ đường thuộc địa số 1 đến nhà ga Long Lạc...	0.680	0.680		
Đường xã số 20 – Từ đường thuộc địa số 1 đến nhà ga Bàu Cá...	0.991	0.991		
Đường xã số 21 – Từ đường thuộc địa số 1 đến nhà ga An Lộc...	2.306	2.306		
Đường xã số 22 – Từ tỉnh lộ số 12 đến Tân Phong...	1.266		1.266	
Đường xã số 23 – Từ đường xã số 7 đến Thới Sơn...	1.650		1.650	
Đường xã số 24 – Từ bến thuyền Bình Thới đến Thạnh Phước...	1.950		1.950	
Đường xã số 25 – Từ bến thuyền An Chữ đến làng Bình Hưng...	6.631		6.631	

TÊN GỌI CỦA ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI BẰNG KM			
	TỔNG CỘNG	ĐÃ ĐỔ ĐÁ	ĐÃ ĐỔ ĐẤT	DỰ ÁN
Đường xã số 26 – Từ bến thuyền An Chữ đến bến thuyền Bình Hưng...	3.956		3.956	
Đường xã số 27 – Từ bến thuyền Tân Uyên đến bến thuyền Bình Hưng...	0.700		0.700	
Đường xã số 28 – Từ đường địa phương số 1 đến chợ Tân Uyên...	0.360	0.360		
Đường xã số 29 – Từ đường địa phương số 1 đến chợ Tân Ba...	0.500	0.500		
Đường xã số 30 – Từ đường Tân Sơn đến bến thuyền Tân Lương...	0.350		0.350	
Đường xã số 31 – Từ bến thuyền Vĩnh Phước đến Út Lập...	0.770		0.770	
Đường xã số 32 – Từ chợ Tân Uyên...	0.320	0.320		

TÊN GỌI CỦA ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI BẰNG KM			
	TỔNG CỘNG	ĐÃ ĐỔ ĐÁ	ĐÃ ĐỔ ĐẤT	DỰ ÁN
Đường xã số 33 – Từ đường xã số 7 (chợ Võ Sa) đến bến thuyền Long Thành...	2.398		2.398	
Đường xã số 34 – Từ đường xã số 7 (chợ Bến Cá) đến bến thuyền Miếu Giông...	1.990		1.990	
Đường xã số 35 – Đường chợ Bến Cá...	0.086	0.086		
Đường xã số 36 – Từ đường Tân Uyên đến Phú Trạch...	0.180		0.180	
Đường xã số 37 – Từ đường xã số 7 đến bến thuyền Ba Học....	0.418		0.418	
Đường xã số 38 – Từ tỉnh lộ số 17 đến Phú Lộc...	0.820		0.820	
Đường xã số 39 – Từ đường thuộc địa số 15 đến An Lâm...	3.260		3.260	

TÊN GỌI CỦA ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI BẰNG KM			
	TỔNG CỘNG	ĐÃ ĐỔ ĐÁ	ĐÃ ĐỔ ĐẤT	DỰ ÁN
Đường xã số 40 – Từ đường thuộc địa số 15 đến Long Thuận	1.270		1.270	
Đường xã số 41 – Từ tỉnh lộ số 19 đến chợ Phước Long...	0.323		0.323	
Đường xã số 42 – Đường đi Phước Long...	0.070	0.070		
Đường xã số 43 – Từ đường thuộc địa số 15 đến Phước Nguyên...	0.240		0.240	
Đường xã số 44 – Từ tỉnh lộ số 17 đến bến thuyền Cây Gia...	0.430		0.430	
Đường xã số 45 – Đường đi chợ Phước Thiền...	0.228		0.228	
Đường xã số 46 – Từ tỉnh lộ số 19 đến bến Cây Kho...	0.450		0.450	
Đường xã số 47 – Từ tỉnh lộ số 17 (Cái Vạn) đến chợ Bà Ký	2.030		2.030	

TÊN GỌI CỦA ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI BẰNG KM			
	TỔNG CỘNG	ĐÃ ĐỔ ĐÁ	ĐÃ ĐỔ ĐẤT	DỰ ÁN
Đường xã số 48 – Từ đường xã Phước Long số 42 đến chợ Túy Long...	0.720		0.720	
Đường xã số 49 – từ dường phà An Hòa đến bến thuyền Long Sơn...	1.368		1.368	
Đường xã số 50 – Từ đường Tam An đến đường xã Bến Gỗ số 2 tới bến thuyền Long Tuy...	0.481		0.481	
Đường xã số 51 – Từ tỉnh lộ số 11 (Tân Lại) đến bến thuyền Xóm Lá...	0.793		0.793	
Đường xã số 52 – Từ đường thuộc địa số 15 đến bến thuyền Bình An...	1.186		1.186	
Đường xã số 53 – Từ tỉnh lộ số 17 đến Phước Khánh và sông qua ngã Phước Tường và Lương Thiện và ngã ba...	10.000		10.000	

TÊN GỌI CỦA ĐƯỜNG	CHIỀU DÀI BẰNG KM			
	TỔNG CỘNG	ĐÃ ĐỔ ĐÁ	ĐÃ ĐỔ ĐẤT	DỰ ÁN
Đường xã số 54 – Từ đường xã 53 (Lương Thiện) đến tỉnh lộ 19 (Phước Thạnh)...	6.000		6.000	
Đường xã số 55 – Từ tỉnh lộ 19 (Phước Lý) đến Giồng Ông Tố...	1.500		1.500	
Đường xã số 56 – Từ tỉnh lộ 12 (Tân Phú) đến phà Bình Ninh...	7.000	7.000		
Đường xã Bảo Chánh	6.500	6.500		
Đường xã từ Gia Ray đến Chứa Chan...	0.400	0.400		
Đường xã Tân Phước Đông...	0.453	0.453		

Những con đường quan trọng nhất là *Đường quốc lộ số 1* (đường Cái Quan cũ, từ biên giới của Bắc Kỳ đến biên giới của Xiêm La), đi khắp tỉnh từ Đông sang Tây. Con đường này vào tỉnh ở cây số thứ 20, đi qua trước núi Châu Thới, vượt qua sông Đồng Nai bằng cách đi theo cực Bắc của đảo Cù Lao Phố, bảo đảm giao thông cho tỉnh lỵ và từ đó tiến thẳng đến Trung Kỳ, song song với đường sắt mà nó băng qua tại Xuân Lộc gần trước chỗ rẽ hướng với đường địa phương số 2 đến Bà Rịa. Con đường đó tiến vào rừng gần như ngay sau khi qua khỏi Biên Hòa và không rời khỏi rừng nữa cho đến tận biên giới Trung Kỳ. Con đường hoàn toàn sử dụng được trên suốt hành trình và vài cây cầu bằng gỗ mà ta gặp trên tuyến đường đó vừa được thay tất cả bằng cầu bê-tông cốt thép.

Đường địa phương số 2, từ Xuân Lộc đến Bà Rịa, đoạn đường thứ nhì của con đường Chesne cũ, được xây dựng bởi Chánh tham biện cũng mang tên đó, và xưa kia là con đường duy nhất để thâm nhập vào xứ người Thượng. Con đường ngoạn mục đó vượt qua cao nguyên Cam Tiêm[1] và đến ranh giới của Bà Rịa ở cây số thứ 23.

---

[1] Cam Tiêm thuộc tổng An Viễn, huyện Long Khánh, phủ Phước Tuy, tỉnh Biên Hòa thành lập từ triều Thiệu Trị. Sau 1862 lần lượt thuộc các hạt thanh tra Bảo Chánh, Long Thành, Biên Hòa. Từ 5-1-1876 gọi là làng Cam Tiêm thuộc tiểu khu hành chánh Biên Hòa, tỉnh Biên Hòa (1-1-1900). Từ năm 1927 thuộc quận Xuân Lộc. Sau năm 1956 viết thành Cẩm Tiêm. Nay thuộc thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Sau đó là con *Đường quốc lộ số 15*, từ Biên Hòa đến Vũng Tàu qua ngã Long Thành và Bà Rịa. Con đường này băng qua, giữa Phước Thôn[1] và Phước Thái, một vùng gồm những đồn điền và cánh rừng với diện mạo thú vị nhất và đa dạng nhất.

Còn phải lưu ý đến con *Đường địa phương số 1* sẽ nối Biên Hòa với Bù Đốp và tạo thành ngay từ bây giờ đến núi Bà Rá (mốc cây số 120) một con đường giao thông quan trọng để thâm nhập vào xứ người Thượng ở phía Tây Bắc của tỉnh. Con *Đường địa phương số 3* hiện đã hoàn thành đến Võ Đắc cũng sẽ đóng vai trò tương tự ở phía Đông Bắc. Hai con đường sau cùng này sẽ được nối với nhau bằng con đường sắp tới là *Đường địa phương số 13* vẫn còn trong dự án, từ huyện Chơn Thành cũ đến làng Tà Lài, con đường này sẽ băng qua toàn bộ đồng bằng rộng lớn ở phía Bắc của sông Đồng Nai vốn vẫn còn chưa được khai thác và gần như chưa được ai biết đến.

Từ đó, đi ngược lên thung lũng của sông Đạ Uê và chi lưu là Đa Mrê, con đường phải đến Di Linh và Lang Bian, qua đèo Bảo Lộc, ngã duy nhất để đến cao nguyên miền

[1] Chưa xác định địa điểm hiện nay.

Đông. Một con đường khác hướng đến Pott[1] sẽ tách ra ở phía Nam để đi Phan Thiết.

Những con đường khác đang xây hoặc đang còn nằm trong dự án là đoạn kéo dài của *tỉnh lộ số 12* (đường Trị An) phía bên kia Cây Gáo, điểm cuối hiện thời, đến Võ Đắc, vừa theo, qua ngã Bến Nôm, con đường mòn cũ của Trung Kỳ hướng đến Tánh Linh và Phan Thiết từ điểm cuối này.

Tại Long Thành *tỉnh lộ số 17*, xuất phát từ Nhà Bè phục vụ giao thông cho khu vực lâm nghiệp giàu có là Bình Lâm Thượng và An Viễn, nối vào đường quốc lộ số 1. Con đường đó thật sự đã được rải đá đến cây số 10. Tại Dầu Giây con đường nối với đường thuộc địa số 1 và sẽ được tiếp tục thêm ở phía Nam đến Bến Nôm trên sông Đồng Nai bằng *tỉnh lộ số 13*. Ở hữu ngạn của con sông, *tỉnh lộ số 8*, phía bên kia Mỹ Lộc và Thường Lang, phải vượt qua sông Bé gần chỗ hợp lưu với sông Đồng Nai và sẽ dùng làm con đường thâm nhập vào khu vực rừng mênh mông của Thuận Lợi[2]. Cũng có

[1] Tên một làng dân tộc thiểu số thuộc tổng Bình Tuy, quận Định Quán, tỉnh Long Thành cũ. Nay thuộc huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[2] Tổng Thuận Lợi: Vùng dân tộc ít người thuộc Tiểu khu hành chính Biên Hòa thành lập từ 1897 gồm 6 làng: Giặt Trụ, Phú Quang, Phú Tròn, Phú Xuân, Rang Vang, Trung Lâm. Từ 1-1-1900 thuộc tỉnh Biên Hòa. Lần lượt thuộc Đại lý hành chính Phú Riềng (1925); quận Sông Bé 1 (1927); quận Núi Bà Rá (1933), nay thuộc tỉnh Bình Phước.

nhiều con đường rừng đã được lập ra, phục vụ nhiều nhất những người khai thác gỗ và dân cư của những làng lâm nghiệp.

Với tình trạng hiện tại, công tác bảo dưỡng cho mạng lưới giao thông đó đòi hỏi sự liên tục và tốn kém, điều này tạo ra gánh nặng chi phí liên quan đến tỉnh lộ và đường xã cho ngân sách khu vực và ngân sách lợi ích chung do nguồn thu còn hạn chế. Hay nhất là tiếp tục mở những đoạn đường mới theo từng năm. Sắp đến thời kỳ mà tỉnh có thể được đi khắp nơi từ Bắc đến Nam và từ Đông sang Tây, ở bất cứ mùa nào, vừa tạo điều kiện cho thương mại, công nghiệp và đồng thời cho khách du lịch tham quan những vùng thú vị nhất và kỳ lạ nhất

Các *công trình cầu đường* thì nhiều nhưng nhìn chung lại ít có tầm quan trọng. Có nhiều cây cầu bắc qua rạch hay suối; nói chung, chiều dài không vượt quá 30 đến 50 mét. Ngày càng có nhiều cây cầu bằng gỗ và cầu nhỏ bằng sắt được thay thế bởi những cây cầu bằng bê-tông cốt thép, có thể chống cự lại với những cơn lũ dữ dội nhất. Cần phải lưu ý có hai cây cầu lớn bằng sắt dùng chung cho đường sắt và đường quốc lộ số 1, vượt qua sông Đồng Nai ngang Cù Lao Phố, cũng như có cây cầu nhỏ bằng sắt dài 130 mét vắt ngang qua sông Bé, trong phần bị kẹp giữa hai bờ dốc đứng nhiều nhất và là phần ngoạn mục nhất trong suốt dòng chảy của nó, ở phía trên Phước Hòa một chút.

2. Đường sắt

Đường sắt Sài Gòn – Nha Trang, mà chiều dài trong tỉnh đạt 87 km, phục vụ tỉnh Biên Hòa từ Tây sang Đông. Tuyến đường sắt này, song song rõ nét với tuyến đường thuộc địa số 1 đến Xuân Lộc, tách ra ở điểm nơi mà con đường đi về hướng Đông Nam. Tuyến đường đó có ích nhiều nhất cho tỉnh vốn chỉ có một đường thủy quan trọng duy nhất mà tàu bè qua lại được, đó là sông Đồng Nai, vả lại sự lưu thông trên con sông này chấm dứt khi qua khỏi Tân Uyên. Nhờ đường sắt này, sản phẩm của tỉnh và chủ yếu gỗ cưa trên rừng được tỏa đi các nơi rất dễ dàng vì đường sắt băng qua rừng trên phần lớn hành trình của nó. Những cơ sở khai thác lâm nghiệp lớn còn thậm chí ghép trên đường sắt đó những đường nhánh đặc biệt, như tuyến 30 km mà Công ty B.I.F. (Công nghiệp và Lâm nghiệp Biên Hòa) xây dựng từ Trảng Bom đến Bến Nôm trên sông Đồng Nai, và sẽ còn tiếp tục đến phía bên kia, dọc theo sông nơi mà việc thả bè không thể nào thực hiện được do các ghềnh thác; cũng thế, tuyến đường Decauville mà Công ty Lâm nghiệp Đông Dương hiện đang xây dựng gần biên giới Trung Kỳ và dẫn đến tuyến đường sắt Khánh Hòa ở cây số 113.

Ga Biên Hòa là một trong những nhà ga quan trọng nhất của tuyến đường sắt. Tại ga có một kho máy móc, một xưởng phụ để sửa chữa và một kho dự trữ nhiên liệu. Những ga phụ khác cần phải lưu ý là ga Xuân Lộc và ga Gia Ray.

Có nhiều xe lửa mà chặng cuối là Biên Hòa nối tỉnh lỵ với Sài Gòn. Hai xe lửa cho mỗi chiều, không kể đến những dịch vụ đặc biệt, đi đến Nha Trang qua Mường Mán và phục vụ giao thông hằng ngày của tỉnh cho đến tận ranh giới Trung Kỳ.

CHƯƠNG II
ĐỊA LÝ TỈNH BIÊN HÒA

I. ĐỊA CHẤT

Cấu tạo địa chất của tỉnh Biên Hòa cũng gần giống với Thủ Dầu Một và Bà Rịa.

Những vết tích của hiện tượng núi lửa còn lộ rõ ra nhiều hơn so với hai tỉnh này. Các núi Chứa Chan, Lò Gạch và Châu Thới, ở vị trí rõ rệt trên cùng một trục, quả thật là những miệng núi lửa với cấu tạo đá cho thấy có nhiều sự giống nhau và đều cùng thuộc dãy núi khi nhô lên, là những núi láng giềng của vùng trũng tương ứng với lưu vực của sông La Ngà và của "hồ" Biên Hòa. Xương sống của những nếp uốn khác nhau gần như chỉ được tạo thành từ đá phun trào kết tinh (granit, pofia, bazan). Sự tan rã của các loại đá này đã cho ra, ở những vùng trũng, một loại đất đỏ gọi là laterit, một loại đất sét có sắt, nén chặt giống như trong khu vực người Thượng ở phía Đông, thường nhẹ hơn, xốp và tạo thành cuộc kết mà người An Nam gọi dưới tên là "đá ong", do cấu trúc của nó, và chúng ta thì hay gọi thông thường là "đá Biên Hòa".

Đất laterit, nghèo đạm và không đủ a-xít photphoric, là một loại đất cằn cỗi nhưng vì có những yếu tố này cũng như

kali và vôi, đất đó có giá trị nông nghiệp lớn. Có cấu tạo như vậy, đất laterit là đất nền của phía Đông tỉnh Biên Hòa, trên một dãy dài gọi là "đất đỏ" có chiều rộng trung bình từ 40 đến 60 km, bắt nguồn từ bờ biển Bà Rịa và trải dài về phía Bắc đến tận Cam-bốt.

Đặc tính của loại đất này, thường cũng rất giàu chất hữu cơ, kết hợp với sự hiện diện của nước ngầm, khiến cho đất này rất mát vào mùa khô và rất thuận lợi, do đó, cho trồng cây; đó là vùng đất được tuyển chọn để trồng cây cao su. Đất đỏ này lộ ra ở ngay trên bề mặt của đất, trộn lẫn với mùn. Đôi khi đất đỏ này lại ẩn mình dưới bề mặt là một lớp cát gần như tinh khiết hoặc một lớp đất sét đỏ hoặc trắng. Cũng có khi, trong khu vực mấp mô giáp ranh với Trung Kỳ, đất này lại xen lẫn với đất đen, rất khô và cũng được rừng dày dặc che phủ. Giống như trong vùng phía Tây của tỉnh, ở nhiều chỗ, các lớp rã mặt của đá granit hoặc cát kết còn xuyên thủng đất này và rải rác đây đó là những tảng lăn trôi giạt, đỉnh nhọn trơ trụi, nhưng luôn luôn không có nhiều diện tích (vùng Phong Lộc và Thái Nương). Cần phải lưu ý rằng có nhiều mỏ cao lanh rất tinh khiết, đặc biệt là trong vùng Cây Gáo, Bến Nôm[1].

[1] Nay thuộc huyện Trảng Bom và Định Quán (Bến Nôm).

II. THỦY VĂN

1. Sông ngòi

Mạng sông ngòi chỉ gồm có sông Đồng Nai và các chi lưu của sông này. Dòng chảy ở phía hạ lưu sông Đồng Nai (nghĩa là cánh đồng có nhiều nai) băng ngang trung tâm của tỉnh từ Đông sang Tây. Đến ranh giới Thủ Dầu Một, ngang Tân Uyên, con sông đột ngột rẻ ngoặt về phía Nam và tách Biên Hòa với Gia Định để hòa lẫn nước sông của mình với nước sông Sài Gòn và từ đó, qua Cửa Soài Rạp, đi ra biển luôn.

Đó là con sông duy nhất ở miền Đông Nam Kỳ xứng đáng với cái tên đó. Chiều dài của nó khoảng 550 km, gần bằng chiều dài của sông Garonne (Pháp). Chỉ có dòng chảy ở hạ lưu của sông này mới thuộc về Nam Kỳ. Dòng chảy ở trung lưu và thượng lưu đi khắp lãnh thổ của Trung Kỳ (tỉnh của Đồng Nai thượng).

Sông Đồng Nai bắt nguồn từ phía Bắc cao nguyên Lang Biang (Trung Kỳ) qua hai nhánh sông Đa Đưng và Đa Nhim mà hợp lưu tạo thành một dòng thác đẹp và hung hãn với vài đoạn sông hiếm hoi và ngắn nhưng êm đềm, và ở khắp các nơi khác thì đầy rẫy ghềnh thác. Theo hướng Đông – Tây, con sông dưới tên Đa Đưng tự đào một phay sâu thăm thẳm ở phía Bắc của cao nguyên Di Linh, sau đó chảy trong một vực sâu hun hút được mở ra giữa Ta Đông, Ta Dra ở phía

Bắc và Kong-klang ở phía Nam. Toàn bộ dòng chảy này đẹp như tranh vẽ. Ở hạ lưu của hợp lưu Rkêh, sông Đồng Nai êm dịu và tàu bè có thể qua lại được. Lúc đó con sông vẽ một đường bán nguyệt kỳ lạ - chỗ vòng của sông Đồng Nai – mà phần dưới gấp lại thành nhiều khúc uốn thất thường giữa một cánh đồng đầm lầy ngoạn mục.

Ở cuối đoạn sông thứ nhất dài khoảng 60 km mà tàu bè có thể qua lại được, con sông rời lãnh thổ Trung Kỳ và tiến vào tỉnh bằng tổng người Thượng của Bình Tuy, ngang Tà Lài và một dãy ghềnh thác do cạnh của cao nguyên người Mạ (Châu Mạ) tạo thành, Mạ là tên của một bộ lạc đông đảo người Thượng sống ở đó. Khối lượng nước, bị nghẽn lại trong một nhánh hẹp, ào ào chảy qua bằng cách tạo thành thác nước và chướng ngại vật thiên nhiên đó bắt buộc các thuyền độc mộc phải chuyển tải.

Lúc đó, con sông chuyển sang một hướng mới để chảy ngang qua từ ranh giới này đến ranh giới khác của tỉnh Biên Hòa. Dòng chảy, bị thu hẹp giữa những vách cao sừng sững phủ đầy cây cối, thường xuyên bị chặn bởi những chướng ngại là đá phiến. Con sông đi qua Ang-ké-hang, Vĩnh An, Bến Nôm, Cái An, Cây Gáo, Đại An. Giữa hai ngôi làng này có những ghềnh đá phiến mới, trải trên chiều dài khoảng 12 km, lại khiến cho việc lưu thông của mọi thứ tàu bè bị ngăn cấm. Con sông đổ ra thành ngàn dòng thác nhỏ vào mùa nước thấp, và vào mùa mưa thì tạo thành những ghềnh hùng

vĩ được biết dưới tên gọi là thác Trị An. Những tảng đá có dốc thẳng đứng nhất mà con sông vượt qua gọi là Hàn Ông Sâm. Vô số khối dá đủ cỡ đã chồng chất lại trong lòng sông và dường như thách thức mọi dự án thành lập một con kênh mà tàu bè có thể lưu thông được. Ở phía dưới, hai phần ba chiều rộng của con sông bị chèn bởi một phiến đá bằng phẳng mênh mông, phiến đá này nổi lên khi nước xuống thấp khiến cho người ta ngạc nhiên vì kích thước khổng lồ của nó. Chướng ngại của thác Trị An khiến cho việc thả bè các loại cây lâm nghiệp không thể thực hiện được mặc dù việc khai thác cây rừng nhộn nhịp ở phía trên của khu vực đó, đặc biệt là do Công ty Lâm nghiệp và Công nghiệp Biên Hòa tiến hành, công ty này vốn sở hữu một vùng đất lâm nghiệp rộng lớn được chuyển nhượng ở tả ngạn của con sông.

Những ghềnh thác này là một trong những mục đích chủ yếu của cuộc dạo chơi đối với hành khách và du khách đi tham quan tỉnh. Toàn bộ khu vực này cho đến Tân Uyên quả thật là tuyệt vời, nhất là khi người ta đi xuống dọc sông Đồng Nai, sông trở lại dễ dàng cho việc lưu thông của thuyền bè từ Đại An trở đi. Bờ sông cao rơi thẳng đứng vào sông và hai bên bờ đều được che phủ bởi một lớp cây rừng to và dày đặc. Thỉnh thoảng, một khe cắt đột ngột trong bờ và cây cối rậm rạp: đó là cửa của một con rạch hoặc một con suối, với nhiều nhà tranh của người An Nam ẩn mình trong khóm lá ở chỗ hợp lưu. Đôi khi cũng có một ngôi chùa

khiêm tốn thu mình dưới chân một cây đa cổ thụ khiến cho khung cảnh thiên nhiên ấy với vẻ dẹp thô sơ và hùng vĩ lại diễm thêm phần cảm xúc.

Tại Tân Uyên, con sông tiến vào hẳn đồng bằng và rải nước một cách dồi dào chung quanh rất nhiều hòn đảo trong đó có một vài đảo khá rộng lớn, tất cả các đảo đều có dân cư sinh sống rất đông đúc và trồng trọt rất tốt. Trong lúc đi xuống theo dòng chảy của con sông, như vậy người ta đi dọc theo những hòn đảo hoặc "cù lao" Bình Thạnh, Cù lao Tân Triều, kế bên ngôi chợ quan trọng là Bến Cá, Cù lao Rùa, đối diện với gò cây trên đỉnh có ngôi làng đẹp như tranh vẽ là làng Tân Ba (chợ Đồng Váng) nối với con sông bằng một cầu thang thiên nhiên dốc đứng nhô lên cao dưới một vòm cây xanh.

Tiếp theo, sông Đồng Nai chảy bên tả ngạn của Bình Trước, tỉnh lỵ của tỉnh và tự chia thành hai nhánhđể tạo thành hòn đảo rộng lớn là Cù Lao Phố; sau đó, xa hơn ở phía dưới, là hòn đảo của Cù Lao Ba Sang[1] trước chợ Bến Gỗ. Ở tả ngạn, thỉnh thoảng người ta nhận thấy có những lán rộng mênh mông với mái che bằng tranh và có khói đen dày đặc cuộn lên. Đó là những lò gạch và lò gốm của dân địa phương. Chiều tối, khi màn đêm bắt đầu buông xuống, ánh lửa bập bùng của những lò bếp trong nhà họ xen lẫn với tia

[1] Cù lao Ba Xê.

nắng yếu ớt của mặt trời đang lặn trên mặt nước lững lờ của sông Đồng Nai.

Vài cây số sau khi đi vòng quanh hòn dảo hẹp chiều rộng và nằm duỗi ra của Cù Lao Ông Cồn – cách đây không lâu hãy còn là sào huyệt của bọn cướp đáng sợ - con sông, đối diện với ngôi làng Phước Long, lại gồng mình gánh thêm nước của sông Sài Gòn và mang tên sông Nhà Bè trên một chục cây số nữa. Ở phía bờ của Biên Hòa, gần Rạch Ông Chuột nhỏ bé, người ta có thể nhìn thấy di tích của một đồn lũy cổ do Đô đốc Rigault de Genouilly xây dựng. Sau vài cây số ở phía hạ lưu thì con sông đổ nước vào một châu thổ nhỏ bé nối liền với châu thổ sông Cửu Long ở về phía Tây Nam. Nhánh phía đông, đổ ra vịnh Gành Ráy, lấy lại tên Sài Gòn vì là lòng sông sâu nhất nên nhờ đó mà tàu bè với tải trọng lớn đi ngược lên đến Sài Gòn. Nhánh phía tây, đồng thời là nhánh có chiều rộng lớn nhất, mang tên Soài Rạp và đổ vào vịnh Cần Giờ.

Chính là ở nhánh Soài Rạp mà sông Vàm Cỏ cũng đổ ra, đây là một con sông đáng chú ý khác của Nam Kỳ. Ảnh hưởng của thủy triều biểu lộ rõ đến hơn 150 km từ cửa sông, đến tận bên kia của Tân Uyên, nước sông Đồng Nai trong lành.

Một dự án đang được nghiên cứu, nhằm mục đích chặn giữ nước sông này lại trong vùng Trị An để dẫn về Sài Gòn, như vậy sẽ giải quyết được cùng một lúc ba vấn đề: nước

uống, chiếu sáng bằng điện và điện năng cho thủ đô. Những cuộc nghiên cứu tương tự như vậy đã được tiến hành trên sông Bé.

2. Chi lưu của sông Đồng Nai

2.1. Hữu ngạn

Nhánh sông duy nhất có tầm quan trọng trong tỉnh Biên Hòa là Sông Bé. Đó cũng là nhánh sông to nhất mà sông Đồng Nai thu nhận trên suốt hành trình của nó. Sông Bé bắt nguồn từ đỉnh núi Chak-ra, ngay giữa Cao nguyên Trung phần, từ độ cao 1.000 mét. Dòng chảy ở thượng nguồn được gọi là Dar-glun, trải rộng ra thành một bậc thềm đầm lầy. Sau đó con sông rời bậc thang đó bằng một dãy thác nước và tiến về phía Nam theo hướng đồng bằng Nam Kỳ. Ở tận cuối hạ lưu, trên lãnh thổ của tỉnh, Sông Bé đón nhận ở bên trái sông Rlhap cũng xuất phát từ Cao nguyên Trung phần và bản thân sông này cũng to lên nhờ sông Dar-ueur.

Ở phía hạ lưu của sông Rlhap, Sông Bé lại vấp phải chỏm núi Bà Rá mà chân núi khiến cho phải vượt qua L. Plai là thác nước cao khoảng mười lăm mét; ngọn núi đẩy lùi con sông về phía Bắc bằng một góc rất nhọn, rồi sau đó tự đổi hướng ở phía Bắc – Tây Bắc và đón nhận ở bên phải sông Hoyt cũng đến từ Cao nguyên Trung phần.

Con sông tự gập khúc lại lần nữa về phía Nam, sau khi phồng to ra nhờ nhiều chi lưu trong đó có Sông Rat ở bên

phải, là con sông quan trọng nhất[1], và gần như tàu bè có thể qua lại được, hoặc ít nhất có thể thả bè được, mặc dù có các ghềnh, trước khi tiến vào đồng bằng, nơi mà con sông vẽ vô số khúc uốn và, cuối cùng, sau khi lớn ra nhờ Suối Ba Bảo, đến được với sông Đồng Nai ngang thôn Nông Huyện, và gần ở điểm kết thúc chuỗi thác Trị An, Sông Bé, trong suốt dòng chảy của nó, không có chảy qua địa phương nào đáng nhắc đến. Dòng chảy của con sông bị thu hẹp hết sức trong một vùng cây cối um tùm, chưa được khai thác và ít dân cư.

Con đường địa phương số 1 đang xây dựng hướng về Bù Đốp (Thủ Dầu Một) băng ngang Sông Bé, gần như ngay sau làng Phước Hòa, bằng một cầu nhỏ Eiffel khá đẹp, trong một khung cảnh đáng chú ý.

Chiều dài của Sông Bé, khoảng 300 km, gần bằng sông Cher (Pháp).

Những chi lưu khác của hữu ngạn sông Đồng Nai là Rạch tong-nhan, Yung-gam, Ba-rieu, Ong-thiep.

2.2. Tả ngạn

Sông Đạ-Uê mà một phần của dòng chảy phía dưới và hợp lưu với sông Đồng Nai tạo thành ranh giới giữa Nam Kỳ

[1] Những chi lưu khác của sông Bé: tả ngạn: Rạch Nước Trong, Suối Linh, Suối Cây Sắn.